

# TỔNG ĐỐC ĐẶNG VĂN THIÊM VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SAU THIÊN TAI (QUA ĐẠI NAM THỰC LỤC)

VƯƠNG THỊ HƯỜNG\*

*Trong số các nhân vật quan lại nhà Nguyễn, một “nguyên lão tứ triều”, làm quan trải bốn triều: Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức và rất mực thanh liêm, đó là Tổng đốc Đặng Văn Thiêm. Gần 40 năm làm quan, bốn ba khắp nơi, ông đã để lại nhiều dấu ấn trên con đường phát triển của đất nước. Thành công và tử huyệt chốn quan trường với nhiều cung bậc tình cảm khác nhau, song nổi bật hơn cả Đặng Văn Thiêm là một vị Tổng đốc luôn tận tụy vì cuộc sống của nhân dân. Bài viết dựa trên những ghi chép trong Đại Nam thực lục của Quốc sử quán triều Nguyễn, phác họa phần nào góc chân dung của ông cùng những dấu ấn trong cách thức xây dựng, quản lý đê điều cũng như những đóng góp của ông cho các quyết sách nuôi dân.*

*Từ khóa:* Đặng Văn Hòa, Đặng Văn Thiêm, Tổng đốc, đê điều, lũ lụt, nhà Nguyễn

*Nhận bài ngày:* 10/5/2019; *đưa vào biên tập:* 18/5/2019; *phản biện:* 24/5/2019; *duyet đăng:* 10/8/2019

## 1. DẪN NHẬP

Đặng Văn Thiêm hay còn gọi là Đặng Văn Hòa (1791 - 1856) hiệu Lễ Trai, người thôn Thanh Lương, xã Bắc Vọng, huyện Quảng Điền (nay thuộc xã Hương Xuân, huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên Huế). Ông là con trưởng của danh sư Đặng Quang Tuấn và bà Phan Thị Hân.

Đặng Văn Thiêm tuy đỗ đạt từ lúc còn trẻ nhưng với năng lực cùng tư chất dám chịu trách nhiệm của ông được người đương thời đánh giá cao. Lúc ông mới tham gia quan trường, vua Minh

Mệnh còn có chút e ngại vì thấy ông nhỏ tuổi nhưng những vị quan dày dặn kinh nghiệm của triều Nguyễn nhìn thấy tố chất tốt đẹp, dám làm dám chịu trách nhiệm của ông nên đã nhiều lần tiến cử. Nhà vua từng ban khoản khi giao trọng trách cho Đặng Văn Thiêm vì: “Thiêm làm việc được, nhưng còn ít tuổi” nhưng quan đại thần Lê Chất<sup>(2)</sup> tâu rằng: “Bình tính thật thà, có đại thể, Thiêm có tài mẫn cán, hai người<sup>(3)</sup> cùng giúp nhau có thể làm nổi việc” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 306).

Làm quan trải bốn triều nhà Nguyễn (Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự

---

\* Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Đức), Đặng Văn Thiêm đã có nhiều đóng góp trên các mặt trận: kinh tế, văn hóa, chính trị... Đặc biệt, với trọng trách Tổng đốc của nhiều tỉnh phía Bắc, ông để lại thành tựu trong công cuộc kiến thiết: vẽ địa giới tỉnh Hà Nội, xây dựng trường thi, bãi bỏ thuế khóa, mở rộng tịch điền, sửa chữa tổ chức sắp xếp phố phường, xây dựng và bảo vệ đề điều...

Trong khoảng 20 năm, từ năm 1832 - 1852, Đặng Văn Thiêm giữ chức Tổng đốc của nhiều tỉnh: Tổng đốc Nam Định - Hưng Yên, Tổng đốc Hà Nội - Ninh Bình, Tổng đốc Bình Định - Phú Yên, Tổng đốc Gia Định - Biên Hòa. Từ năm 1853 đến năm 1856 ông được cử làm Tổng tài Quốc sử quán, làm Tổng vưng bộ *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*, sưu tầm thơ dân gian biên soạn sách *Nam thổ anh hoa lục*... Khi mất ông được vua Tự Đức truy tặng danh hiệu Văn Minh điện Đại học sĩ, ban thụy Văn Nghị. Ông được sĩ phu Bắc Hà kính phục; nhân dân tin tưởng, ngưỡng mộ.

## **2. ĐẶNG VĂN THIÊM VỚI VIỆC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU**

Nói con đường hoạn lộ của Đặng Văn Thiêm gắn liền với việc quản lý đề điều, khơi dòng chảy là bởi những thành công trong cuộc đời ông cũng như thành tích được nhiều lần vua ban khen thưởng gắn với những thành tựu đó. Có thể ở lĩnh vực quân sự hay dẹp phỉ loạn ông còn có điều chưa ưng ý nhưng những công việc liên quan đến thăm khám, đắp đề, đào sông, khơi thông dòng chảy phục vụ

cho đời sống dân sinh thì hầu như ông chưa mắc phải sai lầm. Đặng Văn Thiêm thường đích thân đi thực địa trong địa hạt mình quản lý để khám xét, đo đạc, hỏi thăm kinh nghiệm sản xuất cũng như đời sống của nhân dân, từ đó đưa ra những kế sách phù hợp, phòng ngừa, hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai.

Khi được giao làm Thụ Tổng đốc Định - Yên ông đã nhiều lần đi thăm khám đề điều, phát hiện những điểm sạt lở, tìm hiểu thể nước lên xuống của từng khúc sông rồi đưa ra kế hoạch tu bổ, xây dựng. Những tờ tâu bẩm của ông báo về triều đình cho thấy ông là một con người mẫn cán, không ngại khó, lặn lội với thực địa để chủ động nắm chắc tình hình thực tế: “Đặng Văn Thiêm tâu: Một dải sông Hoàng Giang ở bên tả tỉnh thành nước chảy xô mạnh, đã từng đào sông mới để rút bớt thể nước. Mùa xuân này mưa lụt, có một đoạn sông cũ dài hơn 190 trượng, lượn vòng như hình cánh cung, nhiều chỗ sạt lở. Vậy xin đến mùa đông, nước lụt rút xuống thì trước hết mở rộng thêm 2 bên cửa sông mới, mỗi bên 3, 4 trượng để thu lấy dòng nước. Lại đắp mỏ kè ở chỗ sụt lở chống nước chảy xói” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 463). Nhờ những biện pháp cụ thể do ông đưa ra nên đoạn đề bị sạt lở được bồi đắp, không gây tổn hại cho dân trong mùa mưa lũ.

Hiểu về những con đề, hiểu về quy luật dòng chảy nhưng ông không chủ quan, áp đặt suy nghĩ của mình mà

luôn tôn trọng những kinh nghiệm của người dân tại vùng lũ lụt để có những biện pháp phù hợp, đem lại hiệu quả thiết thực. Đây có lẽ cũng là bài học cho những người làm công tác khuyến nông, khuyến lương đời sau. Tại tỉnh Nam Định, hạ lưu của sông Cái chia ra chảy về các cửa biển Liêu Lác, Ba Lạt, Trà Lý. Trong đó cửa Ba Lạt và cửa Liêu đường nước quanh co; còn đường sông chảy qua cửa Lác thì thẳng, vì thế sức nước đổ ra biển ở những nơi này mạnh yếu khác nhau. Tuy nhiên mực nước thủy triều lên xuống chênh nhau cũng không nhiều, các cửa biển thường có cồn cát, lại có những bãi cát ngầm. Hàng năm cả hai cửa sông Liêu, Lác đều bị đất cát, phù sa bồi dần. Nhưng suốt từ các cửa Liêu Lác, Ba Lạt, đến các cửa Trà Lý, Diêm Hộ đều không có đê điều giữ lụt. Các cửa biển cạn, thuyền bè không tiện qua lại, đến lúc mưa to thì nước bị ngăn trở thoát ra biển nên bị ứ lại, tràn ngược vào khu dân cư gây ngập úng. Đặng Văn Thiêm đã phải đến tận nơi, đo đạc kỹ mức nước lên xuống: “Cửa Liêu chỗ nông lúc nước lên thì trên dưới 7 thước 5 tấc, lúc nước xuống thì trên dưới 2 thước 5 tấc. Cửa Lác, chỗ nông, khi nước lên, trên dưới 5 thước 8 tấc, lúc nước xuống trên dưới 2 thước 1 tấc...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 479). Phân tích kỹ tình hình, làm thử mô hình, rút kinh nghiệm nhưng ông vẫn không chủ quan mà luôn tham khảo ý kiến của dân: “Thự Tổng đốc Đặng Văn Thiêm đến tại chỗ hỏi người bản thổ, thì họ đều nói: Cửa

Lác không thể khơi được rồi, duy có cửa Liêu đi lại còn tiện. Những năm trước, đường cảng này vẫn sâu, từ khi có cái bãi nổi lên ngăn trở nước sông chảy mạnh thành ra cửa sông Lạch Ngang chia chảy ra cửa Lác, thế nước cửa Liêu dần dần yếu đi, bùn cát ngày càng bồi lên nông. Bây giờ nên làm cái mỏ kè để lấp Lạch Ngang, thì nước thượng lưu chảy thẳng, mới có thể đẩy bật cát mà thông ra cửa biển” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 298). Sau khi tham khảo ý kiến người dân, đối chiếu với mực nước tại nhiều thời điểm khác nhau, Đặng Văn Thiêm đã lựa chọn thời điểm và vị trí khơi thông dòng chảy, tạo thành luồng đủ cho tàu thuyền qua lại và dòng chảy bớt ngưng trệ, bớt gây ngập úng cho dân. Nhờ thăm khám kỹ các tuyến đê sung yếu, nghiên cứu căn cứ nguyên nhân, kết hợp với những kiến thức trong lĩnh vực thủy nông, lắng nghe người dân sở tại... đã khiến ông thu được thành công trong việc trị thủy.

Việc vượt qua những khó khăn trong công việc và đạt được những thành công đều xuất phát từ tấm lòng chân thành của ông đối với dân. Làm quan ông hiểu rằng, dân no ấm thì làng xóm mới bình yên. Nếu để dân đói, dân khổ thì trộm cướp cũng từ đó mà sinh ra, thuần phong mỹ tục cũng từ đó mà bại hoại. Muốn làm cho dân no ấm thì phải tìm kế sinh nhai cho dân. Người dân ở vùng đồng bằng quanh năm chân lấm tay bùn, cuộc sống gắn liền với đồng ruộng. Thấu hiểu nỗi lòng đó của nhân dân nên thân làm quan ở

tỉnh ông đã dốc hết sức mình làm việc, không quản ngày đêm tìm kế sách nuôi dân. Tổng đốc Định - Yên Đặng Văn Thiêm trấn trở dâng sớ tâu vua: “Đê ở chiêm hạt Hưng Yên đã thôi không đắp, hằng năm cứ đến kỳ nước to, tràn ngập lên ruộng có khi hàng tháng. Làng xóm đường ngõ đi lại không thông đồng. Quân cướp thừa cơ nổi lên, thế tất cũng có. Vậy xin đóng lẩy 6 chiếc thuyền nhanh nhẹ (mỗi chiếc đều dài 2 trượng, 3 thước, 5 tấc, ngang 4 thước 4 tấc, sâu 1 thước 9 tấc). Mỗi thuyền có thể chở được 2, 3 chục người, giao cho lính thú Tiền quân coi giữ. Từ đó cứ đến mùa thu nước to, phải đi tuần tiểu ở dân gian. Và, cửa Liêu cũng là nơi xung yếu, xin cho đóng 3 chiếc thuyền nhanh nhẹ để đi tuần ngoài biển” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 548).

Đặng Văn Thiêm hết lòng với việc xây dựng đê, chống xói lở để nhân dân được yên ổn trồng cấy: “Về ruộng mùa cày cấy, chỉ được 2 phần 10, dân lại muốn sửa lại đê, để phòng nước lớn. Vả lại việc thôi đắp đê và khơi sông cũng thử làm để xem công hiệu. Tức như nước lụt năm nay, so với nước lụt năm ngoái, đã giảm đến 6 thước, mà nước sông xuống mau, rồi rút cạn ngay. Về đê bồi ở các tỉnh Sơn Tây, Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định và phủ Tiên Hưng thuộc Hưng Yên đều vững chắc cả” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 961). Việc gia cố chân đê bằng cách cho kè đá, làm các mỏ kè phía trước đã đem lại hiệu quả

trong việc gìn giữ, bảo vệ chống xói lở: “Nay bãi bị lở, khi đến kè đá thì thiết tưởng: nước sông lại như thường, mà sự sụt lở cũng ngưng lại. Xét nghiệm ra, ở chỗ mỏ kè đã lở đến đất cũ, các khối đá lộ ra, quả không lở nữa. Vậy xin nên thôi không đắp đường quai bằng đá nữa” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 479). Những vấn đề ông nêu trong các bản sớ, rất chi tiết cụ thể, đi thẳng vào sự việc, không vòng vo, sáo rỗng điều đó chứng tỏ ông nắm chắc tình hình. Không như một số vị quan đương thời khác chỉ thường ngồi ở công đường dò đoán tình hình, ông lại dành mọi thời gian để đi xuống kiểm tra đê điều hay tình hình đời sống nhân dân dọc ven đê... Vì lăn lộn tìm hiểu thực địa nên những đánh giá về tình hình thực tế của ông luôn xác đáng. Và không chỉ dừng lại ở ý kiến chủ quan của mình, ông không ngần ngại tham khảo ý kiến người dân. Bởi ông cho rằng, nếu chỉ một vài lần trong năm đi thăm khám thực địa không thể đánh giá hết mức độ cụ thể. Người dân địa phương sẽ là người nắm chắc nhất và có nhiều kinh nghiệm nhất đối với mỗi dòng chảy, khúc quanh của con đê. Cửa Liêu và cửa Lác ở Nam Định là hai nơi xung yếu, ngập lụt diễn ra thường xuyên, việc khơi thông dòng gặp nhiều khó khăn do phù sa bồi đắp. Triều đình đã nhiều lần lệnh cho quan địa phương xem xét vấn đề này nhưng vẫn chưa thể giải quyết dứt điểm. Sau nhiều lần nghiên cứu, năm Nhâm Thìn niên hiệu Minh Mệnh thứ 13 [1832], Đặng Văn Thiêm một lần

nửa đến tận thực địa khảo sát và tham khảo ý kiến của người dân nơi đây. Họ cho biết: “Những năm trước, đường cảng này vẫn sâu, từ khi có cái bãi nổi lên ngăn trở nước sông chảy mạnh thành ra cửa sông Lạch Ngang chia chảy ra cửa Lác, thể nước cửa Liêu dần dần yếu đi, bùn cát ngày càng bồi lên nông. Bây giờ nên làm cái mỏ kè để lấp Lạch Ngang, thì nước thượng lưu chảy thẳng, mới có thể đẩy bật cát mà thông ra cửa biển” (Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007, tập 3: 479). Chính vì có sự kết hợp giữa nghiên cứu thực địa và tham khảo ý kiến của dân, lợi dụng sự mạnh yếu của dòng nước từng thời điểm nên công trình khơi thông dòng chảy của ông đã thành công. Cửa sông đổ ra biển (cửa Liêu, cửa Lác) đã hạn chế được tắc nghẽn và ngập úng.

Với những vấn đề lớn hơn, ngoài tham khảo ý kiến của người dân, Đặng Văn Thiêm cũng không ngại ngần học hỏi kinh nghiệm từ những người đồng liêu. Tờ sớ ông tấu với triều đình về tình hình đê điều ở Khoái Châu năm 1832 đã trở thành cuộc thảo luận hết sức cởi mở và có những ý kiến đóng góp hữu ích cho công tác trị thủy trong địa hạt mà ông đang quản lý: “Mọi người cho rằng nước lụt ở hạt Khoái Châu đều theo chỗ vỡ chảy rót về Hải Dương, lối nước chảy đã có chỗ dồn về, nếu ngăn cản lại, thì vút chỗ nọ tắt chảy xói vào chỗ kia, hạt khác không khỏi có sự đáng lo bất ngờ. Vậy đắp đê vẫn là không nên,

nhưng bỏ đê mà không lý hội đến thì tới kỳ tiểu mãn, nước lụt lên mau, lúa chiêm không khỏi có tổn hại” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 459). Từ việc tham khảo ý kiến của nhiều tầng lớp nhân dân và quan lại ông đã có những kế sách phù hợp. Mỗi lần đi tuần nắm bắt tình hình ông đều vẽ lại sơ đồ từng khúc sông xung yếu, phân tích cụ thể nguyên nhân để chủ động đối phó với các hiểm họa từ thiên nhiên, tránh làm hao tổn sức lực của nhân dân. Đối với ông, công việc trị thủy không phải lúc nào muốn là có thể đắp hay đào hay muốn là có thể ngăn dòng dựng đập... Bởi dòng nước nếu thuận thì sẽ hiền hòa, có ích cho muôn dân nhưng làm trái với quy luật, làm trái với tự nhiên thì hiểm họa đến từ nước không thể đo đếm được. Và người dân sẽ là những người gánh chịu thiệt hại nhiều nhất. Do đó, mỗi khi làm việc ngăn hay khơi dòng đều phải kiểm tra, đánh giá kỹ những được mất và lường trước được hậu quả. Thế nên, các bản tấu của Đặng Văn Thiêm về triều đình xin ý kiến, bao giờ cũng có những chứng lý thuyết phục: “Thần thiết nghĩ: Các đoạn đê lưu bao ngoài huyện Đông An hiện nay bị thể nước ở phía hữu sông Cái chảy xói vào, dù có đắp lại con đê cong ở vòng trong chẳng nữa, thì đất mới đắp chưa hoàn thổ, mà nước mùa thu vọt tràn lên, thiết tưởng cũng khó mà yên tâm được. Và lại, những chỗ vỡ ở đê Sài Thị và Sài Quất, dòng nước chảy qua các cánh đồng, mỗi nơi đều thành một cái ngòi nhỏ, chảy qua các huyện Thiên Thi,

Tiên Lữ và Phù Dung. Nay hỏi những kỳ lão và Tổng lý sở tại đều nói: sửa đắp đê mới hay đê cũ, công trình nặng nhọc và phí tổn công khổ cũng nhiều, thế mà khó nói trước được rằng có giữ được chắc chắn hay không” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 1109).

Các bản tấu đầy sức thuyết phục với những phân tích rất rõ ràng của Đặng Văn Thiêm cho thấy ông là một nhà hoạch định kinh tế giỏi và tận tâm. Ông hiểu việc mình làm là một trọng trách lớn trước dân, trước triều đình, do đó mỗi khi đề xuất công việc ông đều điều tra căn cứ, tỉ mỉ. Thậm chí có những việc sau khi phân tích thấy không khả thi, ông kiên quyết không cho triển khai: “Đường sông, trên từ cửa sông Lạch Ngang, một nhánh chảy ra cửa Liêu, dài hơn một nghìn trượng; bờ mé tây là Kim Sơn thuộc Ninh Bình chạy dài đến cửa biển Thần Phù thuộc Thanh Ba, lau sậy um tùm, địa thế rất xa; bờ mé đông là Đại An, Chân Ninh thuộc Nam Định, chỗ tiếp giáp có một nhánh chảy ra cửa Lác, dài hơn bảy trăm trượng; bờ mé tây là cồn nổi bờ mé đông thì huyện hạt Chân Ninh liền suốt tận biển, chỗ nào cũng có bùn cát bồi nông. Khi nước triều lên thì thế nước mông mênh, rộng không bờ bến; khi nước triều rút xuống, thì lộ ra bãi cát, trông không thấy bờ. Xét kỹ địa thế, không một đoạn nào có thể khai đào được. Vả lại, hỏi các thổ dân ở tấn sở và thủ sở thì đều nói: một dải ven biển từ cửa Trà Lý đến cửa Thần Phù,

đều là bãi cát bùn lầy, nếu ở nơi này, khai riêng con sông, thì không những việc làm vất vả, mà một trận sóng dồi, bồi lấp lại nông như thường. Đó cũng là ‘việc không làm được’” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 1002).

Thiên nhiên rộng lớn mênh mông, sức dân có hạn, nếu không nắm rõ tình hình cứ đốc thúc dân đốc sức làm việc thì chỉ hao tài tốn của. Song nếu là việc bảo vệ tính mạng và tài sản cho nhân dân thì dù khó khăn đến mấy, nước dũ đến thế nào cũng phải làm cho bằng được. Việc đắp đê, xây kè ở những đoạn đê xung yếu vô cùng nguy hiểm, khó có thành quả, vì vậy cần phải quyết tâm cao và tìm giải pháp tốt. Và Tổng đốc Đặng Văn Thiêm đã rất chú trọng vào biện pháp: “Con sông Hoàng Giang ở phía tả tỉnh thành, nước xói dữ dội, xin đặt thêm mỏ kè, và tùy theo thế nước đắp thêm đê ngăn ngừa” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 1005). Sau đó, Đặng Văn Thiêm lại có bản tấu nói rõ tình hình và thuyết phục nhà vua và quần thần trong triều: “Một quãng sông mới, lúc bắt đầu khai sâu, hai bên bờ đều có lưu không một trượng, đất đã dón chứa cao đến hai trượng. Nay nếu mở rộng thêm lòng sông, tất phải xúc chỗ đất chứa ấy đi, mới có thể khai sâu được, tốn công rất nhiều. Vả lại, bên cạnh cửa sông, có một đoạn cồn nhọn dài hơn 140 trượng. Vậy xin cho đào chỗ ấy mà mở cửa sông, thì nước ở trên chảy xuống có thể bớt đi, và công trình cũng bớt

được” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 861).

Như vậy, với tất cả sự nhiệt huyết Tổng đốc Đặng Văn Thiêm đã đạt được rất nhiều thành tựu trong công cuộc quản lý, bảo vệ đê điều. Nhờ đó người dân trong địa hạt của ông được an toàn tính mệnh, yên ổn làm ăn, tin tưởng vào chính quyền. Từ đây có thể nhận thấy bài học vô cùng đắt giá cho người làm công tác quản lý, lãnh đạo trong bất kỳ thời kỳ nào cũng phải luôn đặt lợi ích của nhân dân trên mọi lợi ích trước khi tiến hành làm bất cứ nhiệm vụ nào.

### **3. ĐẶNG VĂN THIÊM VỚI VIỆC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SAU THIÊN TAI**

Là một đất nước có truyền thống nông nghiệp lâu đời, nền kinh tế lấy sản xuất nông nghiệp làm chủ đạo nên vấn đề trị thủy có ý nghĩa hệ trọng, liên quan trực tiếp tới đời sống của nhân dân và an sinh xã hội. Ngay từ khi mới lên ngôi, vua Gia Long đã ra lệnh cho tu bổ đê cũ, xây đắp thêm đê mới, phát triển mạng lưới thủy nông. Các đời vua sau như Minh Mệnh, Tự Đức... đều ban hành nhiều chính sách bảo vệ, sửa chữa đê điều. Song do thiên nhiên khá khắc nghiệt, nhất là khí hậu xứ Bắc Kỳ thường xuyên phải đối phó với bão lũ, việc trị thủy không phải lúc nào cũng thu được thắng lợi. Để xảy ra các sự cố do thiên tai có nhiều nguyên nhân: tác động bất thường của môi trường, công trình xây dựng chưa được khảo sát và tính toán kỹ, lượng mưa không ổn định...

Tình hình mưa lũ, ngập lụt và đặc biệt là số lần vỡ đê nghiêm trọng ở miền Bắc được ghi chép và mô tả trong *Đại Nam thực lục*.

Vỡ đê, mất mùa, nhà cửa bị cuốn trôi, đời sống người nông dân gặp vô vàn khó khăn khiến Tổng đốc Đặng Văn Thiêm trăn trở rất nhiều. Sau mưa bão ông nhanh chóng cho khắc phục hậu quả thiên tai và kịp thời báo cáo với triều đình về tình hình đê điều và xin chấn cấp cho dân: năm Quý Ty, Minh Mệnh năm thứ 14 [1833], “Tổng đốc Định - Yên Đặng Văn Thiêm, tâu báo: ‘Đê điều huyện Mỹ Lộc tỉnh hạt bị sạt nứt và đê ở xã Phú An, huyện Bình Lục thuộc tỉnh hạt Hà Nội ở đầu dòng bị vỡ, thế nước chảy mạnh lắm, hiện đương hộ, trị’. Vua dụ rằng: ‘Hiện nay việc hộ đê và việc chấn cấp đều trọng yếu cả. Người nên ra sức làm, cho đến được ổn và tốt, mới không phụ trọng trách đã giao cho chuyên giữ một trấn ở ngoài’... Tổng đốc Định - Yên Đặng Văn Thiêm tâu nói: ‘Thuộc hạt có huyện Thiên Bản (sau đổi là Vụ Bản thuộc Nam Định), huyện Ý Yên và huyện Phong Doanh, địa thế thấp trũng, bị nước lụt tràn ứ, dân gian có vẻ kém đói. Vậy đã tạm chi tiền và gạo để phát chẩn’” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 861).

Người nông dân sản xuất dựa vào thời tiết nên lũ lụt hay hạn hán đều có thể khiến đời sống của họ lâm vào bước khốn cùng. Tổng đốc Đặng Văn Thiêm đã thấu hiểu điều đó nên trong công việc ông luôn cân nhắc và sâu sát với thời vụ. Năm Minh Mệnh thứ 14

(1833), đề điều ở một số tỉnh Bắc Kỳ bị vỡ, việc gieo cấy không thuận lợi, trong khi quan tỉnh Sơn Tây báo cáo là “vẫn có thể trồng cấy” nhưng “Tổng đốc Nam Định, Hưng Yên là Đặng Văn Thiêm tâu nói: Thời tiết làm ruộng đã muộn, lúa khó cấy giảm được, mà dân hai tỉnh mình có nơi muốn giữ nước ú lại để tiện cày cấy vụ tới”. (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 900). Đặng Văn Thiêm đã phân tích, đánh giá kỹ lưỡng để tránh thiệt hại cho dân. Ông cho phép dân bỏ qua vụ lúa hè thu năm đó vì thời điểm gieo trồng đã muộn, nếu cố tình bắt dân cày cấy trái vụ thì thu hoạch chẳng được là bao mà chắc chắn sẽ có tổn hại về tiền thóc giống, tiền công... Cho dân nghỉ, chuẩn bị nguồn nước và tập trung chuẩn bị tốt cho vụ sau đó mới là kế sách tốt. Và đúng như tính toán của ông, vụ lúa xuân năm ấy, dân tỉnh hạt Nam Định đã có một mùa bội thu.

Thương yêu dân như con của mình, đồng thời ông rất ghét bọn quan lại sâu mọt, lợi dụng chức vụ để những nhiều, tham ô, bớt xén công quỹ, nhất là công quỹ cho các công trình xây dựng phục vụ dân sinh. Những vụ tham ô ván gỗ, thuyền bè của Lê Văn Khôi; sách nhiễu nhân dân trên đường đi tuần của Bố chính Nguyễn Đôn Tổ hay vụ tham ô chi phí đúc tiền của Hộ bộ Tả Thị lang Thân Văn Quyền... đều khiến Đặng Văn Thiêm và các quan lại chính trực trong triều rất khinh ghét. Không ngại đụng chạm đến quan lại sâu mọt, nhiều lần ông

đã tâu báo với vua. Có lần, vì bức xúc việc tiền thuế của nhân dân đóng góp đã bị quan lại lợi dụng, chiếm đoạt, chận chể nộ vào ngân khố hòng trục lợi; trong khi nhân dân bị o ép về thời gian nộp thuế và nhà nước lại thất thu, ông đã thẳng thắn tâu với vua: “Tiền và thóc về thuế mùa hạ năm nay và thuế năm trước đọng lại hiện nay còn thiếu nhiều. Tự trung có bọn tổng dịch (chỉ bọn Cai tổng và Phó tổng) hay lại tư (chỉ bọn nha lại ở các phủ, huyện), cố ý lươn lẹo lòng thông để mong được miễn; hoặc giả có những hương hào, tổng mục, ngầm mưu giữ lại, không chịu nộp, há nên nhất khải xin hoãn? Duy lúa vụ mùa năm nay, gần đây, vì bị lụt, sợ khó được mùa tất cả. Nếu thu thuế cả vào mùa đông thì nhân dân không khỏi khổ về chạy vạy” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 997). Quan lại sâu mọt ngầm liên kết với nhau, lợi dụng chính sách của nhà nước để xin giảm, miễn thuế cho dân hòng trục lợi, thu lấy phần được miễn giảm đó. Ông chỉ rõ nguyên nhân làm cho nhân dân đói khổ là do lụt lội, mất mùa nhưng nỗi khổ càng tăng hơn khi quan lại các cấp những nhiều, bớt xén tiền thuế, vừa gây khó khăn cho ngân khố của nhà nước mà người dân lại không được hưởng ưu đãi của triều đình.

Ông còn đề nghị với vua: quan lại từ cấp xã thôn, tổng huyện cho đến hàng Bố chính, Án sát phải “ng nghiêm nhất thu cho bằng đủ”. Ông luôn nhắc nhở quan lại dưới quyền làm việc nghiêm

túc, nhất là trong việc hộ đê và cứu đói, nếu để xảy ra sơ suất phải chịu xử phạt nặng. Quý Ty, năm Minh Mệnh thứ 14 [1833], mùa thu, tháng 7, đê các xã Sài Quất, Sài Thị, Nhuế Dương (thuộc huyện Đông An) thuộc tỉnh Hưng Yên, đều vỡ, nhà cửa, của cải đều bị chìm ngập đáng lẽ phải hết sức hộ đê và cứu dân nhưng một số quan lại dưới quyền đã không thực hiện đúng chức trách và nhiệm vụ. Đặng Văn Thiêm đã kiên quyết, không dung túng mà còn xử phạt rất nặng. Ông báo cáo về triều đình: “Hộ phủ Vũ Tuấn, trước hết giáng 4 cấp, Án sát Nguyễn Nhược Sơn giáng 2 cấp; những viên phái đi hộ đê là Lãnh binh Trần Văn Tảo, Quản phủ Nguyễn Văn Huy, Tri phủ Nguyễn Văn Hiến đều trước phải cách chức tức thì phái thị vệ mang cái côn đỏ, do đường trạm đi đến đem lũ Trần Văn Tảo đánh 20 trượng, chuẩn cho đến chỗ thợ làm gắng sức làm việc để chuộc tội. Và đối với việc vớt người chết đuối, cứu đám lửa cháy, không thể trì hoãn được một khắc. Vậy ra lệnh cho Vũ Tuấn và Nguyễn Nhược Sơn: một người ở lại, làm việc hàn khẩu chỗ vỡ đê, một người tức tốc tải muối, gạo và tiền, chính mình nghiêm đốc các văn võ phủ, huyện chia đi đường thủy, đường bộ, xét xem chỗ nào hiện đang bị ngập lụt thì phát chẩn trước, rồi khám rõ tình hình bị tai nạn thương tổn tâu tiếp lên” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 831).

Đề xuất xử phạt nặng đối với người không chấp hành nghiêm mệnh lệnh,

làm việc không dốc sức, hay lợi dụng chức vụ để tư túi nhưng Đặng Văn Thiêm lại luôn có tấm lòng hết sức trù mến với dân. Bao giờ ông cũng ưu ái đối với người vì việc chung đứng ra gánh vác, đặc biệt là những công việc mang lại nguồn lợi cho dân từ các công trình đê điều. Ông đã khéo huy động được sức dân nhờ có chính sách thưởng phạt rõ ràng. Việc đắp đê hay khơi nguồn chảy là những việc lớn, tốn nhiều chi phí và nhiều khi phải làm nhanh, gấp, chạy đua với thời tiết nhưng nếu chỉ dựa vào triều đình ở xa thì khó bề chu toàn. Chính vì thế, một mặt ông đã cho huy động sức người sức của tại địa phương, một mặt báo cáo rõ ràng kịp thời để triều đình tìm kế sách giải quyết. Khi công việc hoàn thành, ông không nhận công lao về mình mà luôn giành phần thưởng, lời khen cho những người khác. Ví dụ ông từng dâng tấu xin ban khen cho Trần Ngọc Chấn: “Người dân trong hạt là Trần Ngọc Chấn, năm trước, tình nguyện tự bỏ của riêng, thử đắp con đê chặn lấp dòng nước sông Hoành Giang. Mùa xuân năm nay hoàn thành. Qua vụ nước mùa thu, thân hành đến khám thấy con đê này dài 144 trượng, thực được kiên cố...”. Vua ban khen. Chuẩn cho bộ Công bàn, truy cấp cho 1.000 quan và tiền chi dùng vật liệu. Thưởng cho Trần Ngọc Chấn chức hàm Bát phẩm và một bộ mũ áo. Chuẩn cho 2 người giúp việc được miễn thuế thân và sưu dịch. Lại thưởng cho quần áo có thứ bậc khác nhau...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 479).

Việc phát chẩn cứu dân lúc đói là việc làm cấp bách nhưng cũng không phải là kế sách lâu dài. Dân đói phải nhanh chóng tìm cách tiếp tế lương thực nhưng qua cơn nguy biến phải tìm kế sách sinh sống lâu dài cho dân. Sản xuất nông nghiệp gắn chặt với nước ở các dòng sông, việc gieo trồng phải nắm chắc quy luật lũ hay hạn đều để từ đó tìm cách đối phó, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai. Nhưng sức người và của của dân đều có hạn nên việc lợi dụng địa hình có sẵn để tạo lợi ích lâu dài, ít phiền nhiễu tới dân cũng là kế sách “cứu dân” vẹn toàn. Vì luôn đặt lợi ích của dân lên hàng đầu đã khiến ông có những quyết định rất đúng đắn và kịp thời khi cho đắp đê, ngăn đập. Và lời dụ của vua cho Nội các cho thấy công lao và sự tri ân, tưởng thưởng của triều đình đối với ông. “Vua dụ Nội các: ‘...Tổng đốc Định - Yên Đặng Văn Thiêm trong hạt đất rộng, người đông, tiền chông, thóc chứa, thế mà dẹp được trộm cướp, yên được nhân dân, binh lương có thiếu thì điền bổ được ngay. Hơn nữa, mùa làm ruộng được thuận, mùa màng được tốt, nhân dân được yên vui. Vậy gia hàm Thái tử thiếu bảo và gia thêm 1 cấp tước vị’” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 610).

Lời dụ của vua nhận xét về Đặng Văn Thiêm cũng chính là sự công nhận của triều đình đối với công lao phấn đấu suốt đời “vì dân chi kế/ mọi kế sách đều vì dân” của ông.

#### 4. KẾT LUẬN

Bắc Kỳ thời Nguyễn liên tục có mưa lớn gây lụt lội và vỡ đê. Trong sách *Đại Nam thực lục* cho thấy từ lúc Gia Long lên ngôi (1802) đến năm liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công Đà Nẵng (1858) trung bình cứ khoảng 1,5 năm lại có một trận đại hồng thủy. Đê điều và các công trình thủy lợi bị tổn thất nặng nề. Thân làm quan Tổng đốc nên Đặng Văn Thiêm luôn trăn trở bảo vệ nhân dân. Ông đã có nhiều kế sách hay trong quá trình thực hiện chức trách. Mỗi khi ra lệnh cho thực thi công việc ông đều cân nhắc dựa trên lợi ích của dân. Những phân tích cụ thể về đắp đê, đào sông của ông giúp nhân dân vùng lũ tránh được thiệt hại: “Sửa đắp đê mới hay đê cũ, công trình nặng nhọc, phí tổn công khổ cũng nhiều, thế mà khó nói trước có giữ được chắc chắn hay không. Nếu đổi ra làm việc khai sông, không những bớt được chút phí tổn mà lại có thể phân được thể nước và bớt được sự xô mạnh dồn xuống” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 1109). Cho đến nay những bài học từ kinh nghiệm mà Tổng đốc Đặng Văn Thiêm để lại vẫn còn nguyên giá trị trong công tác phòng chống thiên tai.

Vài nét về con người Tổng đốc Đặng Văn Hòa - Đặng Văn Thiêm và những ưu tư, thành tựu của ông trong công cuộc xây dựng, quản lý đê điều được *Đại Nam thực lục* ghi chép để thấy tấm lòng thương dân ái quốc của vị Tổng đốc giàu trách nhiệm. Đồng thời qua đó hậu thế cũng có được những

bài học đắt giá trong việc xây dựng, quản lý đề điều và không có việc gì là khó nếu đó là vì lợi ích của nhân dân, lợi ích của dân tộc.

Xây dựng, quản lý và sửa chữa đề điều là một việc lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân. Chính vì thế cần phải có sự cầu thị, lắng nghe từ phía người dân. Kinh nghiệm này đã giúp Tổng đốc Đặng Văn Thiêm trên con đường “vị dân chí kế” được thuận lợi và nhân dân tin yêu.

Xin mượn lời của Tổng đốc Đặng Văn Thiêm thay cho lời kết thúc bài viết để những người làm chính sách ngày nay suy nghĩ về thể nước, lòng dân mỗi khi đưa ra quyết sách không phạm phải những sai lầm đáng tiếc: “Đến như đắp lấp chỗ vỡ, phải nên bàn tính cho kỹ, để một lần khó nhọc, được rồi lâu dài, muôn năm bền vững. Việc làm được nên thực hiện ngay, quyết không khinh suất được” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 459). □

## CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn *Đại Nam thực lục* từ năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) đến năm Duy Tân thứ 3 (1909). Lần lượt in từ năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) đến năm Duy Tân thứ 3 (1909). Tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm còn lưu trữ 2 bản mang ký hiệu A.2772.1-67 và A.27/1-66. Sách đã được nhiều dịch giả dịch và xuất bản. Trong bài viết này, các trích dẫn chúng tôi sử dụng bản dịch *Đại Nam thực lục*, (bộ 10 tập), Nguyễn Ngọc Tỉnh (phiên dịch), Đào Duy Anh (hiệu đính), tập 1 tái bản lần thứ nhất năm 2001, tập 2 đến tập 10 tái bản năm 2007. Nxb. Giáo dục. Hà Nội.

<sup>(2)</sup> Lê Chất 黎質: (1769 - 1826) còn gọi là Hậu Quân Chất, tướng triều Tây Sơn, sau theo về nhà Nguyễn. Ông còn có tên là Lê Tông Chất (黎宗質), người huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Lúc đầu, ông theo Tây Sơn, lập nhiều chiến công, được phong tới chức Đô đốc, thuộc quyền của Tư lệ Lê Trung. Về với Nguyễn Phúc Ánh, Lê Chất lần lượt giữ chức: Khâm sai chương hậu quân Bình Tây tướng quân, Tổng trấn Bắc Thành...

<sup>(3)</sup> Bình: chỉ Nguyễn Hựu Bình. Trong *Đại Nam thực lục* ghi rõ: “Lấy Biện lý Lại bộ là Nguyễn Hựu Bình làm Hiệp trấn Thanh Hoa, Thiêm sự Binh bộ là Đặng Văn Thiêm làm Tham hiệp; tập 2, tr. 300.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đặng Văn Hòa. 2016. *Lễ Trai thi chân bản*. Người dịch: Hoàng Công Khanh, Phạm Tuấn Khanh. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
2. Đoàn Thị Bảo Nhi. 2016. “Đặng Văn Hòa với lý tưởng vị dân chí kế” in trong *Lễ Trai thi chân bản*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn, tr. 174.
3. L.Tuệ. 2012. “Vang danh Lễ Trai Đặng Văn Hòa”, <http://baothuathienhue.vn/vang-danh-le-trai-dang-van-hoa-a3597.html>, truy cập ngày 8/9/2018.
4. Ngọc Phương. 2018. “Đặng Văn Hòa - Tổng đốc đầu tiên của Hà Nội”, <http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=78&NewsId=410508>, truy cập ngày 25/3/2019.

5. Phạm Tuấn Khánh. 1987. “Đặng Văn Hòa và tập ‘*Lễ Trai thi chân bản*’ mới được phát hiện”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (1987).
6. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2001. *Đại Nam thực lục* - tập 1 (dịch: Nguyễn Ngọc Tĩnh; hiệu đính: Đào Duy Anh, Hà Nội: Nxb. Giáo dục).
7. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục* - tập 2, 3, 4 (dịch: Đỗ Mộng Khương, Trần Huy Hân, Trương Văn Chính, Nguyễn Mạnh Duân, Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Thế Đạt, Thẩm Văn Điền, Nguyễn Trọng Hân, Phạm Huy Giu; hiệu đính: Đào Duy Anh, Hoa Bằng). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
8. Trần Đình Sơn - Hồng Anh. 2001. *Tản mạn Phú Xuân*. TPHCM: Nxb. Trẻ.